

Số: /QĐ-STTTT

Hà Tĩnh, ngày tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022**

**GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG HÀ TĨNH**

*Căn cứ Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông Hà Tĩnh;*

*Căn cứ Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 4297/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp, các tổ chức, đơn vị cấp tỉnh năm 2022;*

*Sau khi thống nhất với Sở Tài chính; Xét đề nghị của Chánh Văn phòng,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022 cho Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông Hà Tĩnh ( theo phụ lục số 02 đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 được giao Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông Hà Tĩnh tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở, các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh;
- Lưu:VT- VP<sub>5</sub>

**GIÁM ĐỐC**

**Đậu Tùng Lâm**

**PHỤ LỤC SỐ 02**  
**DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022**

Đơn vị: Văn phòng Sở thông tin và Truyền thông  
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-STTTT ngày tháng 02 năm 2022  
Của Sở Thông tin và Truyền thông về việc giao dự toán NSNN năm 2022)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

<b>I. Tổng số thu, chi ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>Tổng số</b>
<b>1. Số thu phí, lệ phí</b>	<b>70.000</b>
- Phí cấp phép tài liệu không kinh doanh....	70.000
-.....	
<b>2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại</b>	<b>63.000</b>
- Hoạt động cấp phép tài liệu không kinh doanh....	35.000
- Trích thực hiện cải cách tiền lương	28.000
<b>3. Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	<b>7.000</b>
<b>II. Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>7.739.000</b>
<b>1.Quản lý hành chính( Loại 340 khoản 341)</b>	<b>4.040.000</b>
1.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	3.770.000
Trong đó: Kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	
1.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	270.000
Trong đó: Kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	
<b>2. Sự nghiệp Đào tạo( Loại 070 khoản 085)</b>	
1.1 Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo	
Trong đó: Kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	
1.2 Kinh phí thường xuyên	
Trong đó: Kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	
1.3 Kinh phí không thường xuyên	
Trong đó: Kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	
<b>3. Sự nghiệp Công nghệ thông tin, truyền thông, báo chí xuất bản( Loại 170 khoản 171)</b>	<b>3.699.000</b>
3.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	
Trong đó: Kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	
3.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.699.000
Trong đó: Kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương ( Trong đó: Kinh phí truyền thông phòng chống thiên tai, BDKH: 270 triệu ; Đề án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ HC qua BCCI: 180 triệu; Kinh phí triển khai IPV6: 135 triệu Đề án Tăng cường hiệu quả công tác phòng ngừa, chống vi phạm pháp luật và tội phạm trên mạng theo KH 357/KH-UBND : 270 triệu; Kinh phí tuyên truyền, phòng chống rác thải nhựa: 270 triệu; Kinh phí IUU: 54 triệu)	

